

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/04/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK5+BK6+P4	7:25	5+4+13	0+0+0		4+5+13	0+0+0	
2		P7+P5+BK8	7:25	12+4+6	0+0+0		12+4+6	0+0+0	
3		P2+AMD	7:25	2+20	0+0		2+20	0+0	
4		P1+P3	7:25	7+15	0+0		1+21	0+0	
5		P4+AMD	9:25	20+2	0+0		16+6	0+0	
6		CTK3+P2	9:25	0+20	0+0		0+22	0+0	CHUYEN 2 CTK3-P2
7		P1+P4	9:25	22+0	0+0		13+9	0+0	
8		P2+P5	9:25	6+16	0+0		2+20	0+0	
9		ClO+P1	11:25	21+1	0+0		3+19	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: BK5 - BK6 - P4	CREW: Nam - XTruong - NNam	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN TAP	BK5	78	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	DOAN VAN TRINH	BK5	77	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI THE DUONG	BK5	79	1	10	50	64	KH-THAC	Vietnamese
4	CAO QUANG HUNG	BK5	81-82	2	17		110	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN HUU NGHIEM	BK5	76	1	5		60	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN THE ANH	BK6	61	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH HAI	BK6	60	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TRAN VIET	BK6	49	1	5	50	65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC AN	BK6	62	1	5		57	PSV	Vietnamese
10	MARJIEV M. M-C	P4	31	1	7		80	KH-THAC	Russian
11	SOKOLUC C. M.	P4	29-30	2	15		85	KH-THAC	Russian
12	VLASOVA A. M.	P4					90	KH-THAC	Russian
13	DO HUU NAM	P4	24-26	3	17		65	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN SI TUAN	P4					63	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN ANH DUC	P4	27	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN VINH	P4	35	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM TRAN TUAN AN	P4	32	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐANG HONG VIET	P4	34	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
19	LAM VAN PHUC	P4	28	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	LE VAN CHIEN	P4	33	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HUU LUAN	P4	36	1	5		70	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN HUNG BAY	P4	37	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	5	6	42	359	50	4		
2	BK6	4	4	22	265	50	5		
3	P4	13	14	78	975	0	13		
TOTAL		22	24	142	1.599	100	22		
WEIGHT KG				142	1.599	100			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P7 - P5 - BK8	CREW: VThắng - CHIẾN - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

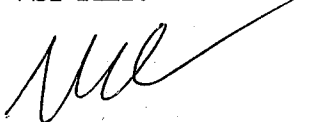
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯƠNG QUỐC VƯƠNG	P7	67	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH HOÀI NAM	P7	71	1	15	10	84	KH-THAC	Vietnamese
3	MAI VĂN SƠN	P7	69-70	2	12	30	61	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI CÔNG LAN	P7	65-66	2	8		64	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC SƠN	P7					80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	P7					80	KH-THAC	Vietnamese
7	DOÀN ĐÌNH PHẠC	P7	63	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
8	LÂM ĐĂNG GIANG	P7					74	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN TRỌNG HIẾU	P7	68	1	9		59	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẠO TUẤN CHỦ	P7	64	1	4		72	PSV	Vietnamese
11	LÊ HỮU LONG	P7	61-62	2	9		57	PSV	Vietnamese
12	PHẠM VĂN TÀI	P7	75	1	5		73	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	P5	18	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẠO ĐÌNH HUY	P5	17	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
15	TÔNG XUÂN SINH	P5	16	1	11	35	64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TUẤN MINH	P5	15	1	10		87	KH-THAC	Vietnamese
17	PODYMОВ DMITRY	BK8	97	1	9		148	KH-THAC	Russian
18	NGÔ VĂN MÂY	BK8	95	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TÍNH	BK8	94	1	8	40	62	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM HOÀNG GIANG	BK8	52	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN THỊNH	BK8	96	1	7		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

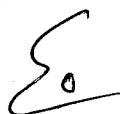
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	12	12	71	856	40	12		
2	P5	4	4	36	299	35	4		
3	BK8	5	5	35	421	40	6		
TOTAL		21	21	142	1.576	115	22		
WEIGHT KG				142	1.576	115			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

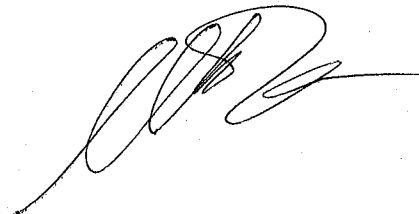
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P2 - AMD	CREW: Khang - Duong - DTùng	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ DUY TOÀN	P2	71	1	2	60	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG DŨNG	P2	70	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TUẤN HÀ	AMD	99-3000	2	14		73	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN TÂN TRI	AMD	82	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	85	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THANH BÌNH (PVDT)	AMD	92	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM ANH NGŨ	AMD	95	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUANG THANH	AMD	79-80	2	16		69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG THANH	AMD	07-08	2	15	80	67	KH-THAC	Vietnamese
10	CHU HỮU CHÍNH	AMD	81	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	83	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ BA THANH	AMD	77	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	88-89	2	17		85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG KIẾN	AMD	75-76	2	13		91	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH HUNG	AMD	90-91	2	17		82	KH-THAC	Vietnamese
16	HÀ VĂN THUY	AMD	93-94	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ QUANG VIỆT	AMD	78	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VIỆT ĐỨC	AMD	96-97	2	17		82	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐÌNH TUẤN	AMD	01-02	2	9		66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN VINH (PVDT)	AMD	98	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN NHA	AMD	86-87	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ VIỆT THĂNG	AMD	84	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	2	2	6	130	60	2		
2	AMD	20	30	193	1.417	80	20		
TOTAL		22	32	199	1.547	140	22		
WEIGHT KG				199	1.547	140			

GRAND TOAL: 1.886 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	TO: P1 - P3	CREW: LHai - VTHU - thông	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN KỶ	P1	75-77	3	18		69	YTE	Vietnamese
2	TSOPANOV A.V	P1	89	1	10		98	KH-THAC	Russian
3	LÊ NGỌC HAI	P1	90	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TUẤN VŨ	P1	88	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TRUNG CHÍNH	P1					61	KH-THAC	Vietnamese
6	NINH QUỐC HỘI	P1	55	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG ĐÌNH QUÊ	P1	78	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN TỬ	P3	14	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI VĂN THANH	P3	98	1	6	20	62	KH-THAC	Vietnamese
10	LÂM TUẤN KHAI	P3					66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	P3	95	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ KHAI ĐẠT	P3	15-16	2	15		94	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG TRUNG	P3	92	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
14	VĂN MINH TÂN	P3	93	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	CHÂU ĐÌNH TỬ	P3	12-13	2	10		73	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN CÔNG THANH	P3	96	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI THANH CAM	P3	94	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÌNH VĂN TOÀN	P3	99,400	2	12		56	KH-THAC	Vietnamese
19	SAGIROV M. S.	P3	91	1	9		71	KH-THAC	Russian
20	PHẠM ANH TỬ	P3	18	1	4		73	GETRACO	Vietnamese
21	CAO DUY LŨNG	P3	17	1	5		57	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYỄN BÀ DUNG	P3	19	1	8		48	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	7	8	49	512	0	1		
2	P3	15	17	97	1.018	20	21		
TOTAL		22	25	146	1.530	20	22		
WEIGHT KG				146	1.530	20			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	TO: P4 - AMD	CREW: Nam - XTruong - NNam	ETA: 11:10
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN THANH SON	P4	56	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
2	LAM XUAN HAI	P4	41	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
3	TRUONG DINH MINH	P4	38	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH HAI	P4	39	1	12		73	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN NGOC MINH	P4	44	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN CONG TINH	P4	43	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH NAM	P4	53	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG KHAC DU	P4	49-50	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUU THANH	P4					67	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM NGOC HUNG	P4	40	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
11	DAO MINH TUAN	P4	54	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN MINH THANH	P4	57	1	15		56	KH-THAC	Vietnamese
13	DO HOA VINH	P4	45	1	6	15	78	PSV	Vietnamese
14	TRAN VAN NAM	P4	48	1	8		77	PSV	Vietnamese
15	DOAN VAN TUYEN	P4	51	1	3		76	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN HONG	P4	42	1	3		52	PSV	Vietnamese
17	LUU DINH THAI	P4	47	1	5		54	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN DONG	P4	46	1	3		62	PSV	Vietnamese
19	DOAN VAN AI	P4	52	1	3		64	PSV	Vietnamese
20	ĐANG MINH ĐỨC (PVDT)	AMD	11	1	7	20	75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HUU CUONG	AMD	09-10	2	10		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	19	19	101	1.270	15	16		
2	AMD	2	3	17	152	20	6		
TOTAL		21	22	118	1.422	35	22		
WEIGHT KG				118	1.422	35			

GRAND TOAL: 1.575 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	TO: CTK3 - P2	CREW: VThắng - CHIÊN - Huy	ETA: 11:15
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VAN CUONG	CTK3	32	1	5		70	PSV	Vietnamese
2	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	77	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	DƯƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	79	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	92	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC HÙNG	P2	82	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH NAM	P2					52	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG NGUYỄN DUY NHAN	P2	88	1	5	60	52	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	90	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ NGHĨA TÀI	P2	74	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HÙNG	P2	86	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN THIÊN	P2	94	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ TÂN	P2	91	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ HUỖ QUYNH	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ SỸ VANG	P2	84-85	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
16	HA VAN NIN	P2	89	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM THANH HIẾN	P2	80-81	2	8		80	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN NAM	P2	76	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN THAI	P2	93	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ANH VŨ	P2	83	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN MINH XANH	P2	78	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	1	1	5	70	0	07	2	CHUYEN 2 PAX CTK3 SANG P2
2	P2	20	19	93	1.312	60	22		
TOTAL		21	20	98	1.382	60	22		
WEIGHT KG				98	1.382	60			

GRAND TOAL: 1.540 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	TO: P1 - P4	CREW: LHai - VTHU - thông	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN KIM CUƠNG	P1	18	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	20	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN HỮU DŨNG	P1	09-10	2	17		78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	08	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM BA NGÂN	P1	11	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ KIẾN TRUNG	P1	01	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN HOANG NHÂN	P1	16	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THẾ VINH	P1	13	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	15	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ NAM CUƠNG	P1	12	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG CÔNG AN	P1	02	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
12	TÔ QUANG ANH	P1	21,26	2	6		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN THẮNG	P1	17	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ HỒNG HẢI	P1	07	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM ANH SƠN	P1	03-04	2	12		64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN THUY	P1	05-06	2	11		66	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P1	19	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN HAI VIỆT	P1	22	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P1	23	1	5		75	PSV	Vietnamese
20	PHAN TRỌNG MINH	P1	24	1	3		67	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P1	25	1	3		63	PSV	Vietnamese
22	PHẠM PHU BÌNH	P1	11	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	26	131	1.468	0	13		
2	P4	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		22	26	131	1.468	0	22		
WEIGHT KG				131	1.468	0			

GRAND TOAL: 1.599 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	TO: P2 - P5	CREW: Khang - Dương - DTùng	ETA: 11:20
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ CHIÊN THẮNG	P2	57	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ CHÈ LINH	P2	56	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG TÂN QUAN	P2	52	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VĂN SƠN	P2	53	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ CÔNG LƯU	P2	54	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THANH KIM	P2	55	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH TỬ	P5	14	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	31	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI TRỌNG NGHĨA	P5	34	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN CAO MẠNH	P5	41-43	3	15		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUÝ TRUNG	P5	28	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG THẮNG	P5	38-39	2	18	30	54	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ PHƯƠNG HƯƠNG	P5	27	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN TOÀN	P5	36-37	2	11		77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG KHANG	P5	29	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC VĂN	P5	30	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN SANG	P5	40	1	12		71	DVL	Vietnamese
18	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	P5	24-25	2	17	13	71	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	P5	32	1	7		64	PSV	Vietnamese
20	ĐO LỸ KHANH	P5	35	1	5		84	PSV	Vietnamese
21	HOANG NGOC HOA	P5	44	1	7		65	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN THANH HAI	P5	33	1	5		51	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	6	6	38	426	0	2		
2	P5	16	21	144	1.076	43	20		
TOTAL		22	27	182	1.502	43	22		
WEIGHT KG				182	1.502	43			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:40
FLIGHT: 9	TO: CLO - P1	CREW: Khang - Dương - <i>Đùng</i>	ETA: 13:20
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	FOK S.I	CLO	16	1	10		130	KHOAN	Russian
2	SHERBAKOV	CLO	15	1	5		93	KHOAN	Russian
3	ZADOROZHNY	CLO	17	1	7		103	KHOAN	Russian
4	ĐẶNG VĂN ĐO	CLO	03	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	VUÔNG NGỌC HOÀN	CLO	04	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGHIÊM XUÂN VIỆT	CLO	09	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ LONG	CLO	20-21	2	7		75	KHOAN	Vietnamese
8	DƯƠNG QUỐC VIỆT	CLO	22-23	2	10		72	KHOAN	Vietnamese
9	BELAIEV	CLO	01	1	9		82	KH-THAC	Russian
10	TRẦN QUỐC KHÔI	CLO	11	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI XUÂN TRƯỞNG	CLO	05	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO VĂN HIẾU	CLO	10	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TRUNG	CLO	14	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM THAI SƠN	CLO	07	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỒNG PHƯỚC	CLO	02	1	4		67	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HẠM HÀ	CLO	12	1	5		63	DVL	Vietnamese
17	DƯƠNG MINH VIỆT	CLO	13	1	5		60	DVL	Vietnamese
18	MESHKOV M.Y.	CLO	18	1	16		80	DVL	Vietnamese
19	PHẠM ĐĂNG TUÂN	CLO	08	1	5		58	DVL	Vietnamese
20	TRẦN VĂN THỤ	CLO	06	1	5		65	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN NGỌC	CLO	19	1	5		63	DVL	Vietnamese
22	LÊ TÙNG LÂM	P1	27	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	21	23	143	1.565	0	3		
2	P1	1	1	5	60	0	19		
TOTAL		22	24	148	1.625	0	22		
WEIGHT KG				148	1.625	0			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN